

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUỒN NHÂN LỰC QUỐC TẾ  
DUY PHÁT**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
NGUỒN NHÂN LỰC QUỐC TẾ DUY PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUY PHAT INTERNATIONAL HUMAN  
RESOURCE SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DUY PHAT IHST CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107019959

**3. Ngày thành lập:** 09/10/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 24, tổ 49, ngõ 224, phố Trung Kính , Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968043899

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                  | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                               | 1812     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                              | 5510     |
| 4.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)          | 5621     |
| 5.  | Hoạt động viễn thông có dây<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây | 6110     |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                  | 4100     |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                           | 4220     |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                 | 4311     |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                      | 4312     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                  | 4321     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                        | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329        |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 14. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)<br>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                      | 4530        |
| 15. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4541        |
| 16. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4542        |
| 17. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4543        |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý, môi giới thương mại (trừ môi giới giới chứng khoán, bất động sản, thuế, kiểm toán và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                               | 4649        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4931        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4932        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933(Chính) |

|     |                                                                                                                                                      |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh             | 8299                                                                |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                              | 8560                                                                |
| 25. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                    | 6820                                                                |
| 26. | Quảng cáo                                                                                                                                            | 7310                                                                |
| 27. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                             | 7320                                                                |
| 28. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                  | 7420                                                                |
| 29. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch                                       | 7490                                                                |
| 30. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                               | 7710                                                                |
| 31. | Cung ứng lao động tạm thời<br>(Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)         | 7820                                                                |
| 32. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>(Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động) | 7830                                                                |
| 33. | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                              | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN HỮU TÌNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 173227943

Ngày cấp: 25/06/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, Xã Trung Chính, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 6, Xã Trung Chính, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: NGUYỄN HỮU TÌNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 10/05/1986

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 173227943

Ngày cấp: 25/06/2012

Nơi cấp: *Công an tỉnh Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Đội 6, Xã Trung Chính, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Đội 6, Xã Trung Chính, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội